Lacan và phân tâm học cấu trúc

LÝ THUYẾT PHÊ BÌNH | 17/08/2012 - 06:25

Elizabeth Wright

(a) Ngôn ngữ

Công trình của Jacques Lacan là một sự diễn giải lại và phê bình chủ nghĩa Freud cổ điển dưới ánh sáng của lý thuyết cấu trúc và hậu cấu trúc. Lacan không quan tâm đến một thứ vô thức bản năng tồn tại trước ngôn ngữ. Ông lưu ý không chỉ vô thức được cấu trúc như một ngôn ngữ, mà nó còn là sản phẩm của ngôn ngữ. Để hiểu lý thuyết này, cần đặt nó trong ngữ cảnh của những khái niệm về cái biểu đạt và cái được biểu đạt do Saussure xây dựng mà Lacan sử dụng khá nhiều. Sausure đề xuất ý niệm về cái được biểu đạt và cái biểu đạt như một trong những từ để chia cắt một chuỗi liên tục, một dòng. Ông nói về một “mặt phẳng không xác định của những ý tưởng lộn xộn”, từ đó mặc nhiên công nhận một giai đoạn tiền ngôn ngữ ở đây – một trạng thái nguyên thủy. Chính ông cũng đã nói về một địa hạt tư tưởng “mang tính hỗn độn trong bản chất” (Saussure, 1974: 112) trước khi ngôn ngữ phải tác động vào nó. Saussure không quan tâm tới vấn đề tư tưởng có thể tồn tại trước ngôn ngữ như thế nào. Như đã chỉ ra ở phần trước, Saussure khẳng định có một mối quan hệ giữa ký hiệu bằng lời (verbal sign) với một phần thuộc vùng hỗn độn của kinh nghiệm. Chúng ta có thể tách lọc kinh nghiệm của cảm giác bởi vì chúng ta thực hiện mối liên kết giữa hai chuỗi liên tục. Có hai chuỗi liên tục, một của các âm thanh và một của các ý nghĩ, cả hai đều hỗn độn. Ngôn ngữ tách lọc một phần từ sự hỗn độn của âm thanh và một phần từ sự hỗn độn của ý nghĩa, và ghép đôi chúng lại: cái biểu đạt (signifier), là yếu tố âm thanh, tương ứng với cái được biểu đạt (signified), là khái niệm. Như thế, Saussure xem như vấn đề chuỗi liên tục được giải quyết, vì ngay sau đó, chúng ta thấy ông nói về sự tương ứng hòa hợp của cái biểu đạt và cái được biểu đạt như là hai mặt của một tờ giấy. Có một điểm bị bỏ sót quan trọng: làm sao chúng ta đi từ sự rối rắm tới sự khu biệt, ý nghĩa được tạo thành như thế nào. Nói khác đi, có một câu hỏi khó ở đây: làm sao một địa hạt (dù là địa hạt của kinh nghiệm hay tư tưởng) từ chỗ hỗn độn lại có thể được sắp xếp thành những đơn vị riêng biệt, rạch ròi? Saussure không giải thích điều này: ông chỉ bỏ lửng đó.

Tương tự, Lacan cũng có một khái niệm về sự hỗn độn, nhưng nó không phải là sự hỗn độn của tư tưởng. Nhiều nhất cũng chỉ có thể nói được đó là một trạng thái của nhu cầu bên trong với một sự chỉ dẫn thuộc bản năng ở mức tối thiểu. Kinh nghiệm ấu nhi là một sự rối rắm, mơ hồ mà Lacan gọi là “l’hommelette” – một kiểu chơi chữ (Lacan, 1977b:197). Hai ý nghĩa trong sự chơi chữ này đều thích đáng: home –lette – “con người nhỏ bé” (little man) và “omelette” – “khối vô định dạng” (shapeless mass) của quả trứng đã vỡ trong chảo tương ứng với sự mơ hồ của nhu cầu bên trong. Chính là dựa trên “khối vô định dạng” này mà ngôn ngữ bắt đầu hành chức. Tuy nhiên, sự hành chức của nó đi ngay đến sự cố định: cái biểu đạt không được đảm bảo về mặt logic bởi sự tách lọc chúng từ khối không định dạng. Lacan đưa ra một mô tả cho thấy cái biểu đạt chuyển di trên chuỗi liên tục như thế nào, và những ý nghĩa thay đổi ra sao.

Lacan phát triển phương trình hạt nhân của Saussure về cái biểu đạt và cái được biểu đạt bằng cách chỉ ra rằng có thể đem áp một cái biểu đạt khác cho cùng một cái được biểu đạt, kéo theo một sự khác biệt trong cách diễn giải:

LADIES (quý bà) GENTLEMEN (quý ông)

Ẩn dụ hai mặt của một tờ giấy mà Saussure đưa ra, mặt trước (recto) là ý nghĩ hay cái được biểu đạt và mặt sau (verso) là âm thanh hay cái biểu đạt, không thích hợp ở ví dụ này. Thực sự thì mảnh giấy của Saussure sẽ phải có ba mặt: một mặt trước, khái niệm “cánh cửa” (door) và hai mặt sau, âm thanh “Ladies” và âm thanh “Gentlement”. (Chính Lacan cũng không phân biệt giữa đối tượng tri giác (percept), hình ảnh cánh cửa, và khái niệm nằm ở bên kia cánh cửa, nhưng điều này không làm mất đi giá trị những phản tư của ông về Saussure). Một ví dụ có thể thêm vào là một cái biểu đạt giống nhau có thể áp dụng với những cái được biểu đạt khác nhau:

Gentlemen Gentlemen

Trong trường hợp này chúng ta có hai mặt trước, hai cái được biểu đạt, với một mặt sau, một cái biểu đạt và vì thế cũng có ba mặt.

Những ví dụ này chỉ ra rằng không có sự đảm bảo chắc chắn mối liên kết giữa cái được biểu đạt và cái biểu đạt. Bây giờ Saussure biết rõ rằng những ý nghĩa đã thay đổi và ông ta đã tìm thấy một nơi cho ý nghĩa thay đổi trong hệ thống của ông mà ông gọi là “diachrony” (trục lịch đại). Nhưng cái tên thuật ngữ mang nghĩa là “xuyên thời gian”(through –time) chỉ ra rằng ông chỉ nghĩ về sự biến đổi ý nghĩa như một sự phát triển mang tính lịch sử lâu dài. Quan niệm bổ sung của ông, “synchrony” (trục đồng đại), muốn nói đến mối tương liên của tất cả các bộ phận trong hệ thống ngôn ngữ ở một thời điểm lý tưởng trong thời gian. Một trong những điểm then chốt của chủ nghĩa cấu trúc là sự tương thuộc giữa các thành phần của một ngôn ngữ. Ở chương 4, chúng tôi đã lưu ý đến phê bình của Derrida đối với Sausure: ông cho rằng sự phân biệt giữa synchrony/diachrony (đồng đại/lịch đại) dẫn đến chỗ hệ thống của Sassure vẫn còn “dội lại tinh thần của một thứ chủ nghĩa ngôn trung luận” (“a certain logocentric resonance”). Ở cả hai khái niệm đồng đại – lịch đại, Saussure không bao giờ phá vỡ sự thống nhất mặt trước – mặt sau của ông. Với Saussure cái biểu đạt không bao giờ trượt đi trên chuỗi liên tục của cái được biểu đạt.

Mặt khác, Lacan xác định sự trượt đi của cái biểu đạt trên chuỗi liên tục, trên một trường (field) mà từ đó cái được biểu đạt được lựa chọn. Có thể đặt câu hỏi: đó là trường gì và liệu nó là một địa hạt của những tư tưởng hỗn độn như Saussure nói. Ở nơi nào đó trong hệ thống, tính hiện thực cần phải được định vị, nhưng Saussure không làm vậy trong khi đó Lacan lại tìm cách định vị hiện thực. Ông đưa ra một một khái niệm rất khó là Cái Thực (The Real). Chính trên Cái Thực mà ngôn ngữ vận hành; nó là cái “nằm ở ngoài sự cố chấp của các ký hiệu” (Lacan, 1977b, 53 -54). Lacan nói về một mạng lưới của các ký hiệu bao viền toàn bộ con người, nhưng cũng nói về “sự can thiệp và nhịp đập” của ham muốn (Lacan 1977a:68). Dù ham muốn “xác định” bạn nhưng một cách nghịch lý, nó lại thoát khỏi sự cứng nhắc về mặt logic của hệ thống biểu nghĩa. Nếu ham muốn có thể “can thiệp” vào hệ thống, nó tham dự vào Cái Thực. Dường như có những yếu tố vừa nằm bên trong chủ thể – những ham muốn của anh ta – và ở bên ngoài chủ thể – thế giới vật lý – cả hai đều có thể làm đảo lộn hệ thống dấu hiệu.

Cái Thực xuất hiện trong mối mối quan hệ của con người với các khách thể ham muốn. Nó xuất hiện bởi vì hệ thống biểu nghĩa là cái không trọn vẹn: một khách thể ham muốn không bao giờ là cái mà người ta nghĩ là mình muốn có nó. Cái mà người ta tưởng tượng, theo phân tâm học, luôn luôn là một khách thể bị mất tính nguyên thủy, sự hợp nhất với người mẹ. Để lấy một ví dụ, trong bộ phim của Luis Buňuel, The Obscure Object of Desire (Khách thể mờ tối của ham muốn), khách thể tình yêu gây ham muốn được thể hiện bởi hai nữ diễn viên đóng cùng một vai. Họ có cùng một tên, Conchita, nhưng ta có thể thấy rằng họ thật sự khác nhau: cái mà những nhân vật nữ này thực sự là – Cái Thực – không tương ứng với bức tranh tưởng tượng của người tình. Điều này tương đồng với cái thực sự xảy ra: Cái Thực không bao giờ vừa khít hoàn toàn với bất cứ một sự “khái niệm hóa” nào. Vì vậy, Lacan cho rằng Cái Thực là không thể nắm bắt, nó rất khác biệt với những từ ngữ nói nó là gì.

Quan điểm của Freud là: cái vô thức tồn tại trước ngôn ngữ là cái tạo ra tác động. Lacan thấy vô thức hiện hữu đồng thời với ngôn ngữ. Khi từ ngữ thất bại trong việc thỏa mãn những hứa hẹn của chúng về sự toại nguyện, thì vô thức vỡ ra, gây ra những sự xuất hiện trong sự bất đồng giữa ngôn ngữ và ham muốn. Ham muốn, theo Lacan, “là một hiệu ứng ở chủ thể của một hoàn cảnh được áp đặt lên của anh ta bởi sự tồn tại của một thứ diễn ngôn làm xuất hiện ở anh ta một nhu cầu vượt qua những hẻm núi của cái biểu đạt” (Lacan, 1977a: 264). Diễn ngôn là một hẻm núi, khe rãnh, khuôn hẹp; nó “ áp đặt” một hình dạng cho những nhu cầu của chúng ta, những điều không biến mất mà biến thành ham muốn. Trong hệ thống của Freud, vô thức tồn tại như một khối hỗn độn các nhóm bản năng; trong hệ thống của Lacan, vô thức là kết quả của sự cấu trúc hóa ham muốn bằng ngôn ngữ. Từ ngữ không thâu tóm được bản chất vì những gì đã được đặt tên chỉ có vẻ như là cái tên tạm thời. Ham muốn đầu tư ý nghĩa cho cái biểu đạt, nhưng nó chỉ là cảm giác chủ quan, không phải là nhận thức lẫn nhau. Vô thức là ham muốn được tạo nghĩa nhưng không được nhận biết.

Cách sử dụng từ ngữ của một chủ thể, vì vậy, sẽ mở ngỏ cho những thay đổi mà vô thức của anh ta chịu trách nhiệm, cho những gì ham muốn của anh ta dẫn đường. Cái “Nó” (It) của vô thức – diễn ngôn đúng chuẩn (true discourse) – sẽ luôn luôn phá hủy cái “Tôi” (I) – diễn ngôn tưởng tượng. Cái “Tôi” nghĩ rằng nó không hề nói theo kiểu uyển ngữ, nhưng tính tu từ của nó bao giờ cũng tượng hình. Nhưng nếu Freud xem xét điều này như là sự đồng hiện (condensation) và chiếm chỗ (displacement), thì đối với Lacan những hình tượng này là hoán dụ và ẩn dụ, những thuật ngữ ông mượn của Jakobson. Lacan muốn đặt ngôn ngữ học đúng vị trí của nó. Như những nhà cấu trúc khác, ông muốn dùng lý thuyết ngôn ngữ học làm xuất phát điểm. Ông nhìn thấy có sự tương đồng nằm giữa khái niệm lưỡng cực của Jakobson về hoán dụ và ẩn dụ (được móc nối với sự phân biệt của Saussure giữa trục ngữ đoạn và trục hệ hình) với cặp khái niệm đồng hiện và chiếm chỗ của phái Freud. Sự song hành mà Lacan lấy làm điểm tựa có thể được diễn giải như sau: hóan dụ và sự chiếm chỗ cùng được xác định bằng sự kế cận (contiguity) (một điểm liên kết với một điểm khác bởi ở cạnh nhau trong một chuỗi); ẩn dụ và sự đồng hiện đều được xác định bằng sự tương đồng (similarity) (một điểm liên kết với điểm khác bởi sự giống nhau). Về hoán dụ, chủ thể không hiểu chuỗi kết nối trong những từ ngữ khi chúng diễn ra. Có một chuỗi bất tận của cái biểu đạt tìm kiếm một sự thỏa mãn “hiện thực” (real), mà Lacan gọi là “sự thiếu”. Về ẩn dụ, ham muốn được phát lộ bởi sự thay thế có tính ẩn dụ ý nghĩa bị dồn nén bằng ý nghĩa bề mặt. Lúc nào chủ thể cũng muốn tiếp tục biểu hiện chính mình. Ẩn dụ có thể được xem xét như triệu chứng phơi bày ra ham muốn bị dồn nén, cung cấp một lối đi vào vô thức băng qua ranh giới giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Như trong trường hợp của bệnh thần kinh, những triệu chứng thể chất, qua ngôn ngữ cơ thể, cung cấp đầu mối của những mối bận tâm vô thức, bởi vậy, lời nói có thể là những ám chỉ tương đồng về chúng. Tín hiệu vô thức mà một sự chỉ dẫn sai đang được đưa ra. Đối với Lacan, nói một cách cường điệu, mọi lời nói đều là sự lỡ lời theo kiểu Freud, bất kể được nhận biết hay không, vấn đề là vô thức hiện diện ngay cả khi không được nhận biết. Trong ý nghĩa đó mà Lacan thấy vô thức được cấu trúc như một ngôn ngữ.

(b) Chủ thể

Với Lacan, chức năng của ngôn ngữ không phải là để giao tiếp mà là để cấp chủ thể một vị trí để từ đó, anh ta phát ngôn. Freud không trao cho ngôn ngữ vị trí trung tâm của quá trình xã hội hóa, ông quan tâm nhiều hơn đến một trình tự đi đến trưởng thành của sự phát triển bản năng trong vô thức, từ thời kì môi miệng tới thời kì sinh dục (oral to a genital phase)… Lacan nhận thấy cái biểu đạt là địa hạt quan trọng hơn hết, đó là nơi mà sự đặt tên các vai xã hội diễn ra. Bởi vậy, phê bình văn chương theo chủ trương của Lacan có xu hướng tập trung vào những cấu trúc của ham muốn, được xác định bởi một chuỗi biểu nghĩa. Lacan khẳng định chủ thể không hiện hữu cho đến khi nó đòi được ý thức, nghĩa là, khi nó phát triển một quan niệm về bản ngã (self). Theo Lacan, điều này xảy ra trong một khoảnh khắc huyền thoại (a mythic moment), mà ông gọi là “giai đoạn gương” ( the mirror stage)– chúng ta có thể xem như một ẩn dụ về khái niệm tự thân có tính hư cấu (a fictional self –concept), khái niệm này không đòi hỏi một tấm gương cụ thể hay thậm chí một sự phản chiếu nào đó, mà đơn thuần, nó chỉ một hình ảnh không gắn với sự tự biết mình (self-knowledge). Giai đoạn gương là giai đoạn tiền ngôn ngữ, cần một sự diễn giải ngắn gọn; nó sẽ dẫn tới “Cuộc thảo luận về “Lá thư bị đánh cắp”, ( “The Purloined Letter”), mà trung tâm của thảo luận này – nơi Lacan minh họa điều xảy ra khi đưa vào ngôn ngữ và các quy tắc của nó – là những gì ông xác định như là “Luật biểu tượng” (“Symbolic Order” )đã đưa ra.

“Giai đoạn gương” là một bài báo của Lacan năm 1949, trên cơ sở chỉnh sửa lại một bản thảo đã được viết trước đó. Trong đó, ông phát triển quan niệm của Freud về cái tôi như nó đã xuất hiện trong bài báo của Freud “Về thói tự si” (On narcissism) (Freud 1914c) và phủ định khái niệm xuất hiện sau này trong bài “Cái tôi và cái ấy” (“The ego and the id” )(1923b). Quan niệm về giai đoạn gương được trình bày qua sự so sánh giữa vượn và người: mỗi loài phản ứng khác nhau với hình ảnh trong gương của chúng. Vượn có thể phân biệt vật chuyển động khi nó chuyển động, nhưng hơn một lần, khi nắm vững được ý tưởng này, nó thấy chán. Trẻ sơ sinh, mặt khác, thấy được mối quan hệ giữa sự chuyển động của hình ảnh và chính cơ thể của nó. Nó được soi rọi bởi sự khám phá này và có khuynh hướng tìm một cách nhìn tốt nhất có thể. Nhưng như một người bị hoang tưởng, nó không thể rời khỏi chiều kích tưởng tượng và tập trung tất cả năng lượng bản năng của mình vào hình ảnh thay vì các vật thể. Điểm chính trong tranh luận của Lacan đã được làm sáng tỏ rất nhiều lần, nhưng tôi sẽ chỉ ra một lần nữa văn bản đã được thiết lập, nó trở nên khả dĩ hơn để hiểu lời văn khó khăn vốn đầy tai tiếng của Lacan với mọi người, thậm chí ở bản dịch tiếng Anh. Bởi vậy, tôi sẽ trích lại 2 đoạn văn quan trọng nhất cho tranh luận của tôi, trước mỗi đoạn có một chú thích ngắn cố gắng sát với nguyên bản nhất, trong khi chuyển dịch nó sang những thuật ngữ phổ thông hơn.

Giả định vui thú về một hình ảnh phản chiếu chính mình của đứa trẻ, trước khi nó biết nói, là một ví dụ rất rõ cho thấy bản ngã hiện hữu như thế nào ngay từ thuở sơ khai, bên trong trong giản đồ có tính khái niệm, trước khi nó có thể có được một khái niệm tự thân rõ ràng hơn thông qua sự hiểu chính từ những người khác, và trước khi ngôn ngữ cung cấp cho nó thuật ngữ phổ biến “Tôi” ( I ) và nó trở thành một chủ thể, tức là, nó có thể phản chiếu chính nó.

“Giả định vui thú về hình ảnh phản chiếu của đứa trẻ ở thời kì lọt lòng, khi cơ thể vẫn còn yếu ớt và phải phụ thuộc vào sự chăm sóc, dường như sẽ bày ra, trong một tình huống điển hình, một ma trận tượng trưng, trong đó, cái Tôi được tụ đọng lại trong một hình thức sơ khai, trước khi nó được khách thể hóa trong mối quan hệ biện chứng của quá trình xác định bản sắc với kẻ khác, và trước khi ngôn ngữ khôi phục lại nó, trong sự thống nhất, chức năng của nó như chủ thể” (Lacan 1977a:2).

Đứa trẻ tuân theo “một định hướng có tính hư cấu”, nghĩa là, nó sẽ phải viện đến huyễn tưởng để khắc phục cảm giác xa lạ với thực tại của chính nó. Như một đồ thị tiệm cận gốc, nhưng không bao giờ chạm đến nó, khái niệm tự thân của đứa trẻ sẽ không bao giờ ăn khớp với tồn tại của chính nó. Cái Hoàn hình mà nó chọn lựa trong gương vừa nhỏ hơn vừa vững bền hơn nó là, và nó là một cái gì đó bên ngoài đứa trẻ, đang tác động lên nó mà nó không thấu hiểu. Điều này đưa đến cho đứa trẻ ảo giác rằng nó có thể kiểm soát cơ thể mình khi nó không thể:

“Điểm quan trọng là hình thức này định vị cho trung gian của cái tôi, trước sự xác định về mặt xã hội của nó, trong một định hướng hư cấu, cái nhân tố sẽ chỉ tiệm cận với quá trình hiện hữu của chủ thể, bất kể sự thành công của các lập luận biện chứng bởi nó phải giải quyết khi Cái Tôi bất hòa với chính hiện thực của nó.

Sự thực là hình thức tổng thể của cơ thể trước chủ thể dự tính trong một ảo ảnh về quá trình trưởng thành của sức mạnh của anh ta được đưa tới anh ta chỉ như một Hoàn hình, điều này để nói, trong một vẻ ngoài trong đó hình thức này chắc chắn là đang tạo thành hơn là đã tạo thành, mà trong đó nó xuất hiện với anh ta trên tất cả trong một kích cỡ đối lập định vị nó và trong một sự đối xứng lộn ngược nó, đối lập với sự chuyển động hỗn loạn mà chủ thể cảm thấy là đang kích động anh ta.”

Luận điểm của Lacan là cái tôi đã được tạo thành bởi quá trình xác định căn cước với một vật thể tổng thể khác, một dự án tưởng tượng, một quá trình lý tưởng hóa (Ideal – I), không phù hợp với sự yếu ớt của đứa trẻ. Cái tôi vì vậy không phải là đại diện của sức mạnh, mà là nạn nhân của một ảo tưởng về sức mạnh, một đặc điểm – tình ái được định vị, điều cần củng cố không ngừng. Mối quan hệ xa lạ của bản thân với chính hình ảnh của nó là những gì Lacan gọi là Lĩnh vực của tưởng tượng.

(c) Văn bản

Lý thuyết của Lacan về chủ thể và sự suy yếu dần của cái tự thân bền vững đã mang lại thay đổi triệt để trong mối quan hệ giữa phân tâm học và phê bình văn chương. Như đã nói sơ lược ở phần Dẫn nhập, những sự thay đổi trong lý thuyết văn chương thế kỉ 20 tạo ra những biến đổi trong thực hành phê bình một cách rộng rãi. Lý thuyết phân tâm học cổ điển đặt câu hỏi sử dụng văn bản như những dấu hiệu của tâm lý tác giả hay tâm lý các nhân vật của anh ta. Công trình của Lacan tra vấn lại nó cả ở lý thuyết lẫn thực hành, bằng việc đảm nhận một sự đánh giá lại xuyên suốt về quy luật của ngôn ngữ. Ông không tổng hợp một lý thuyết văn chương nào cho chúng ta; trong trường hợp này, ông không giống Freud và Bonaparte, và cũng không như các lý thuyết gia được bàn tới trong phần còn lại của cuốn sách này. Bởi vậy, để truy ra một lý thuyết, cần thiết phải xem xét một vài chi tiết bản “Thảo luận về “Lá thư bị đánh cắp” của Lacan. Có thể nói lý thuyết và thực hành ở đây là hoàn toàn ăn khớp nhau: trong việc phân tích một văn bản, Lacan sử dụng chính văn bản đó để soi sáng tất cả các văn bản. Với sự trợ giúp của những cách tiếp cận có tính lý thuyết mới mẻ có thể được tạo ra với những văn bản thực sự, nhưng đó như là kết quả của ánh sáng mà những cách tiếp cận này chế tạo trên ngôn ngữ và sự giao tiếp như thể chúng có giá trị. Điều này không bao gồm khả năng một phẩm chất văn chương có thể được trưng bày trong văn bản mà kiểu diễn giải cũ ắt không thể thẩm thấu được. Tuy nhiên, phải xác định rằng ở điểm bắt đầu, chính Lacan cũng không quan tâm tới việc trình diễn một phân tích văn chương. Như Derrida đã chỉ ra trong phê bình của ông, Lacan đã rời khỏi khung văn bản văn chương. Có một số vấn đề phân tâm học thuần túy trong thảo luận không thuộc lĩnh vực khám phá của tôi. Cũng có một số câu hỏi siêu – lý thuyết về văn bản thực tế của chính thảo luận: Derrida hướng đến sự giải cấu trúc nó, điều mà Barbara Johnson đã giải cấu trúc trở lại, và tôi sẽ bình luận về những điều này ở phần cuối. Những điểm của cuộc thảo luận sẽ được sử dụng chủ yếu để minh họa là cách tiếp cận có tính cấu trúc phân tâm học mới với văn chương, mà nhờ đó sự tương đồng từ phân tâm học được sử dụng để giải thích hoạt động của văn bản là khác biệt với hoạt động trong suy nghĩ của tác giả, của nhân vật hay của người đọc cụ thể. Đây là một tổng hợp trần trụi nhất chuỗi sự kiện trong truyện của Poe. Đó là câu chuyện về lá thư buộc tội, hai lần bị lấy cắp, đầu tiên được gửi tới một nhân vật quan trọng được tán dương mà Lacan gọi là “nữ hoàng”. Khi nhà vua bất ngờ vào khuê phòng của nữ hoàng, bà để ngỏ lá thư trên bàn với hi vọng nó sẽ bị bỏ qua. Bộ trưởng D xuất hiện trong cảnh này, phát triển tình huống, lấy cắp bức thư để ngỏ của nữ hoàng và đặt một bức thư khác vào vị trí đó. Nữ hoàng không có quyền lực gì trước sự hiện diện của nhà vua, nhưng sau đó, bà đã yêu cầu cảnh sát trưởng tìm bức thư. Cảnh sát trưởng tìm kiếm khắp phòng của bộ trưởng nhưng không được. Sau đó, ông ta tìm đến Dupin, một thám tử nghiệp dư nổi tiếng với khả năng phân tích. Ở cuộc gặp tiếp theo giữa họ, Dupin đưa ngay ra bức thư một cách phi thường và nhận từ cảnh sát trưởng một số tiền lớn. Ông ta đã làm như thế nào? Ông suy luận rằng bộ trưởng, cũng như nữ hoàng, sẽ để lá thư không giấu diếm như cách tốt nhất để che giấu nó. Và bởi vậy ông đã phát hiện ra nó, có vẻ tình cờ mắc kẹt trong giá thiếp, treo cạnh lò sưởi. Sau đó, ông ta sắp xếp một cuộc viếng thăm thứ hai, và đợi đến khi bộ trưởng xao lãng bởi những tiếng ồn ào được sắp đặt trước, ông lấy cắp bức thư và đặt vào chỗ cũ một bức thư có vẻ giống hệt.

Mối bận tâm chính của Lacan là làm rõ sự lặp lại của một cấu trúc. Nếu như với Freud, có một sự lặp lại của các kiểu mẫu ứng xử trong tiến trình của một đời sống cá nhân đơn lẻ – mà ông minh họa trong tiểu luận “The Uncanny” với việc đọc “The Sandman” của Hoffmann, thì với Lacan, trong cốt truyện của Poe có một sự tái diễn của một mối quan hệ mơ hồ tác động tới vị trí của 3 người. Sự tái diễn này củng cố những mỉa mai kì lạ của câu chuyện. Đây không phải là sự lặp lại hiếm hoi của một vụ ăn cắp đáng kể, nhưng là sự lặp lại hiếm hoi cảnh huống tổng thể trong đó hành vi ăn cắp xảy ra: mỗi trường hợp đều có ba người tham dự, mỗi người tiếp cận người kia từng bước với ba vị trí chức năng trong một cấu trúc định trước.

Lacan chỉ ra rằng có hai cảnh; cảnh thứ nhất, ông gọi là “cảnh nguồn”, bắt đầu chuyển động chuỗi sự kiện (Lacan 1976: 41). Cảnh này xảy ra ở khuê phòng nữ hoàng, và những người tham dự gồm có vua, nữ hoàng và bộ trưởng. Tôi sẽ vẽ ra những gì xảy ra trong một sơ đồ hình tam giác ( như đã được minh họa bởi Shoshana Felman trong bài báo sáng sủa của bà (1979: 136-7), một hình thức tiện dụng để làm rõ mối quan hệ đa cấp giữa ba người, và có thể phù hợp với hình tam giác có tính ơ – đip, dù điều này không thật rõ ràng ở Lacan.

1.King

2. queen 3.Minister

Theo Lacan (1976:44), có 3 cái liếc nhìn: Thứ nhất là cái nhìn không thấy gì (Vua); thứ hai là cái nhìn thấy rằng cái nhìn thứ nhất không thấy gì và chính nó tự lừa mị như với bí mật của điều mà nó che giấu (nữ hoàng) và cái nhìn thứ ba thấy rằng hai cái nhìn đầu tiên rời khỏi những gì đã được che giấu, mở ra cơ hội cho bất cứ ai muốn nắm lấy nó” ( bộ trưởng). Hành động tiếp theo là bộ trưởng lấy bức thư mà nữ hoàng đã nhận được và đặt một cái khác, một bức thư trắng vào chỗ đó.

Lacan thấy cảnh thứ hai như cảnh thứ nhất lặp lại. Cảnh này xảy ra ở căn hộ của bộ trưởng và những người tham dự là cảnh sát, bộ trưởng và Dupin.

1.Police

2: Minister 3: Dupin

Ở đây cảnh sát ở vị trí thứ nhất, trong một nơi vốn là sở hữu của vua, và như nhà vua, họ không thấy gì cả. Bộ trưởng ở vị trí thứ hai và mắc phải sai lầm tương tự như nữ hoàng đã từng mắc, rằng, anh ta tự lừa mị mình chính anh ta là một bí mật của những gì anh ta giấu. Và Dupin ở vị trí thứ ba: như bộ trưởng ở cảnh đầu tiên, anh ta thấy những gì được giấu là sẽ bị phơi bày. Cảnh này dẫn đến việc Dupin lấy bức thư từ bộ trưởng và đặt một cái khác vào chỗ cũ, lần này không phải là một thư trắng, một nét tinh tế mà tôi sẽ bình luận sau.

Một sơ đồ xa hơn (được tạo bởi Felman) như thế này:

1.Tính ngu ngốc của nhà hiện thực

2: Ảo tưởng tưởng tượng 3: Phối cảnh biểu tượng

Mặc dù Felman không chi tiết hóa vấn đề này, sơ đồ của bà hết sức khêu gợi. Vị trí 1 có thể được nhìn như của một đối thể thuần túy: vua là đặc trưng quyền lực bị mất trong ý nghĩa của quyền lực tối cao của chính ông ta, bị bao vây bởi lời nói mập mờ tự nhiên đến thành sùng kính, bởi sự ngu ngốc coi trọng cái – không – là – gì hơn là chủ thể” (Lacan 1976: 69), và cảnh sát trưởng (cảnh 2) cũng nghĩ anh ta đã hiểu được tất cả qua việc xác định và dán nhãn lên mọi không gian, đo đạc và xác định số lượng. Vị trí 2 có thể được nhìn như của một chủ thể thuần túy: nữ hoàng, và bộ trưởng trong cảnh 2 nghĩ rằng họ ở trong sự chiếm hữu của một ý nghĩa cá nhân thuần túy. Vị trí 1 và 2 mỗi người đều tin rằng bức thư hay cái biểu đạt chỉ có một cách diễn giải duy nhất, một cách diễn giải chính họ tạo ra, nhưng chủ thể ở vị trí 3 hiểu được cả hai cách diễn giải của họ (ở mỗi vị trí) cùng với cách diễn giải của riêng anh ta.

Ở đây Lacan đã chơi với từ “bức thư” và biến nó thành một trò chơi chữ. Như một bức thư trong câu chuyện, nó có ý nghĩa văn chương, nhưng ý nghĩa có tính ẩn dụ của nó là một cái biểu đạt trong một hệ thống cách dùng trên thế giới. Để cho dễ hiểu, việc sử dụng bức thư, ý nghĩa ban đầu là “vật được viết hoặc in ấn”, vì bức thư như một yếu tố của quan hệ là một hoán dụ quen thuộc, với bức thư ( cũng như một yếu tố của quan hệ) trong câu chuyện dẫn đến ý nghĩa bởi sự chuyển đổi một cái biểu đạt có tính ẩn dụ. Cách thức bức thư bị đối xử trong câu chuyện cũng như cách một cái biểu đạt bị đối xử trong thế giới.

Trong cách đọc phân tâm học, lá thư bị đánh cắp trở thành một ẩn dụ của vô thức, vì vậy cũng là một cái biểu đạt của ham muốn vô thức. Nền tảng của ẩn dụ này là sự tương đồng giữa vị trí có tính cấu trúc của tất cả những người trong câu chuyện – những người chuyển lá thư bị mất và vị trí của những người trong cuộc đời đã được quyết định bởi một cái biểu đạt đơn lẻ trong diễn ngôn liên chủ thể, một cái biểu đạt bị phong tỏa bởi ham muốn của họ mà không có sự nhận thức tồn tại của họ về nó. Cấu trúc tương tự này tái diễn trong chính phân tâm học, nơi một triệu chứng được nhắc lại trong một số cách thay thế, không được nhận biết bởi bệnh nhân. Dupin, trong việc đưa lại lá thư cho nữ hoàng, như một nhà phân tích, người giải thoát người bệnh khỏi một triệu chứng và người bỏ túi một số tiền đáng kể sau khi kết thúc sự chữa trị. Như nhà phân tích, Dupin ở một vị trí để hiểu theo cách mà cảnh thứ hai là sự lặp lại cảnh đầu tiên. Trong cuộc đối thoại phân tâm học, cả nhà phân tích và bệnh nhân đều là những chủ thể với hiện tượng chuyển dịch, mà mỗi người chịu tác động bởi quy luật của những đặc điểm xác định của quá khứ đã xảy ra trong cuộc đời họ. Người bệnh, hấp dẫn bởi việc kháng cự không nổi những triệu chứng của anh ta, tất nhiên là phó mặc cho những sự kiện quá khứ hơn là nhà phân tích, nhưng đó là một trong những sự xem xét lại về chủ nghĩa Freud của Lacan, ít nhất là trên lý thuyết, rằng nhà phân tích không được đánh giá như “một chủ thể – người – được – cho – rằng – biết – hết” (Lacan 1977b:230), không như người cũng được gọi là “bác sĩ tâm thần” trên màn ảnh Mĩ, người biết tất cả. Và vì vậy, Lacan lưu ý rõ ràng rằng Dupin bị mắc kẹt trong vòng tròn bởi không thể lấy bức thư trắng và sử dụng nó để đặt vào điểm cũ chống lại bộ trưởng. Dupin cũng “đang ăn cắp” bức thư, bởi việc làm rõ với bộ trưởng rằng anh ta, Dupin, trong khoảnh khắc, có quyền lực – cái quyền lực bộ trưởng hi vọng đạt được thông qua nữ hoàng. Tất cả những điều này thúc đẩy Lacan đọc câu chuyện như một ngụ ngôn về phân tâm học. Nhưng câu chuyện cũng mang chức năng như một ngụ ngôn về việc đọc, bởi vì nó chỉ ra, như đã được tranh luận, rằng cả tự sự văn chương và phân tâm học đều phụ thuộc vào cấu trúc của sự lặp lại để tạo ra ý nghĩa của kinh nghiệm nhìn lại quá khứ. Đó là cảnh thứ hai trong câu chuyện cho phép một cách hiểu và sự diễn giải lại cảnh thứ nhất, bởi vì nó làm sáng tỏ rằng chúng ta chỉ hiểu và định giá các sự kiện quá khứ chỉ khi chúng ta tìm thấy chính chúng ta trong vị trí lặp lại những viễn cảnh nào đó. Với phê bình văn chương, đây là câu chuyện về nơi chốn của hư cấu trong tính hiện thực và về cách mà những con người được kể lại.

Lacan quan tâm đến cấu trúc của ham muốn tạo thành hình tam giác và phân loại chuỗi các nhân vật. Cấu trúc này chỉ nhắc lại chính nó qua sự khác biệt của các nhân vật của nó, những người này di chuyển tới những vị trí của người khác, và khi họ di chuyển, bức thư cũng di chuyển tới nơi khác. Với Lacan, những gì câu chuyện chỉ ra là hệ quả của sự chuyển dịch của những cái biểu đạt trong một quá trình trao đổi vô thức và vì vậy, không ai biết được văn bản của bức thư, cả nội dung cũng như người gửi nó. Sự lí giải của ông làm rõ rằng các văn bản chứa đựng những gì mà chúng ta muốn nhất,những gì chúng ta ham muốn và là trong nhu cầu của chúng ta. Mong muốn này không được tìm thấy trong một ý nghĩa bị che dấu, như phê bình phân tâm học cũ mà những người như Bonaparte đã theo đuổi, mà ở trong một sự thay thế có tính tu từ, những điều nằm ở xung quanh, như bức thư, vì chúng có những con mắt của Dupin. Như Dupin và bộ trưởng, cũng là những nhà thơ trong câu chuyện của Poe, có đủ tài năng phá vỡ diễn giải “có thể đọc được” được đưa ra, và vì vậy, người đọc có thể phá vỡ sự ép buộc của văn bản. Nhưng ẩn dụ về sự phá vỡ không giống nhau một cách chính xác. Lacan đang chỉ ra rằng trong sự định hướng lại của ham muốn trong văn bản, vô thức là ngôn ngữ tái sinh. Sở hữu nguồn gốc của chúng với ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ vô thức trong chính bản chất của nó như Lacan thấy, chỉ ra rằng chính nó được sáng tạo trong cấu trúc.

Về điều này, trích dẫn từ Faust của Geothe, mà Lacan sử dụng như một đoạn thơ trào phúng với thảo luận của ông ta, là một ví dụ:

Und wenn es uns glückt,

Und wenn es sich schickt

So sind es Gedanken

Lấy những câu này ra ngoài văn bản của nó, điều này tạo cho công việc, với Lacan, người có thể nói, đã đánh cắp lá thư từ Goethe. Thơ trào phúng, bởi vị trí của chính nó, thường được sử dụng với những sự nhấn mạnh đặc biệt với một vài cấp độ lật đổ ý nghĩa thông thường. Ở đây, Lacan đã thực sự đi xa hơn trong trò chơi chữ trên những từ của Goethe, một trò bịp tương tự như việc ăn cắp mà ông đã mô tả. Đoạn thơ trào phúng này bây giờ được hiểu như một sự phát biểu ám chỉ cho lý thuyết của Lacan về ngôn ngữ: những từ ngữ không là tài sản của người sử dụng chúng. Trong trích dẫn này, “es”, thay thế cho đại từ đơn giản “it”, có thể được đưa ra như một thuật ngữ của phái Freud về kho vô thức. Mỗi dòng trong số hai dòng đầu tiên vì vậy là bị vượt qua quyết định trong ý nghĩa. Dòng 1, với ý nghĩa “nếu tương lai là tốt với chúng ta”, cũng có nghĩa “nếu “es” (đó là cái vô thức) giành được ham muốn của nó”. Dòng 2, mang nghĩa “và nếu thân phận là tốt, hay “nếu nó được nghĩ rằng hợp thức” cũng có nghĩa “nếu “es”, cái vô thức (lá thư) gửi cho chính nó” (‘schicken = to send), điều này để nói, ham muốn tuần hoàn, hay trở thành một địa điểm cho vô thức của mọi người. (Cách nói của Lacan ở đây là ‘vô thức là diễn ngôn của Cái Khác’). Tiếp theo, dòng cuối cùng, “so sinde es Gedanken”, mang cả hai nghĩa “vậy thì những ý nghĩa sẽ tựu thành” và “vậy thì những ý nghĩ sẽ mang nó (‘es”) về”, cũng mang nghĩa “vậy thì những ham muốn sẽ có cơ hội được thỏa mãn”, qua cách sử dụng những cái biểu đạt, đó là ham muốn đi theo con đường của cái biểu đạt. Với phê bình phân tâm học theo hướng Lacan, một văn bản, trước hết và chủ yếu, là một diễn ngôn của ham muốn, với kết quả nhấn mạnh không phải ở sự chấp thuận về ý nghĩa của tác giả mà nhấn mạnh ở sự chấp thuận bởi độc giả.

Việc đọc câu chuyện của Poe của Lacan chắc chắn là một ám chỉ cho quá trình đọc và viết nói chung. Bởi thế chúng ta có thể xây dựng một mô hình của quá trình đọc phù hợp với sự giải trung tâm về chủ thể của Lacan và đưa văn bản như một sự di chuyển như với bức thư. Cái tôi có tính tác giả, được thấy như một sự thấu suốt bởi các nhà phê bình quá khứ, đầu tiên sẽ được đặt ở đỉnh của tam giác. Người đọc được coi là thành thạo ( hay bất cứ một sự lý tưởng hóa nào được áp dụng cho quan niệm “người đọc”), kẻ cố gắng khôi phục lại ý nghĩa bền vững, thậm chí anh ta cho phép có thể có vài ý nghĩa bền vững nào đó, sẽ được đặt ở vị trí số 2, và vị trí này sẽ bao gồm cả những nhà phê bình phân tâm học cổ điển – những người muốn khôi phục lại một ý nghĩa bền vững ẩn tàng. Vị trí người đọc thứ 3 là vị trí của những nhà giải cấu trúc, là vị trí của người đọc – kẻ khám phá được tình trạng thiếu ổn định của cả hai vị trí trước và cũng là kẻ phát minh ra cách đọc sáng tạo tìm được quan hệ có vấn đề giữa tác giả và văn bản, giữa văn bản và người đọc, trong những thuật ngữ của những sự phối cảnh có chủ ý của họ. Những phối cảnh này nằm trên tính hiện thực. Những vấn đề từ sự xung đột của việc đọc văn bản là câu hỏi về việc phối cảnh nào đúng đắn nhất, tính hiện thực được xem xét như thế nào. Bởi vậy, điều này trốn thoát khỏi tình trạng tiến thoái lưỡng nan của mối quan hệ giữa văn bản và hiện thực là “có tính đại diện hay di truyền”. Ba “người đọc” đang cố gắng thoát khỏi diễn giải sau sự diễn giải với mục đích kiểm chứng quan điểm của họ về thế giới.

Cấu trúc tam giác trong văn bản của Poe trên thực tế đã chỉ ra cho chính nó để nối tiếp cái bên ngoài nó và sẽ trở thành một thí dụ tiêu biểu cho mô hình của quá trình đọc như đã phác thảo. Như một kết quả của sự đọc, Lacan xâm nhập vào nơi chốn của Dupin, đó là vị trí 3, và trở nên chín muồi về giải cấu trúc. Derrida đặt một nhan đề có tính mỉa mai rõ nét “ The purveyor of truth” (1975). (Người cung cấp chấn lý/Người buôn chân lý). Ông ta nói rằng chính Lacan đang lý tưởng hóa cái biểu đạt bằng việc cung cấp cho nó một chất liệu mà nó không sở hữu. Lacan đã nhảy qua kết luận tiên đoán và tức thời của nhà phân tâm học này: bức thư là biểu tượng dương vật và chủ – cái biểu đạt của ham muốn. Theo Derrida, Lacan đã mơ hồ về khái niệm “chủ nghĩa dương vật trung tâm” (phallogocentrism) ( thiết lập từ khái niệm “logocentricism, trong đólogos là trung tâm). Với việc áp dụng cách diễn giải phân tâm học này, Derrida nói, bức thư phải được nghĩ như là cái toàn thể. Tuy nhiên, để diễn đạt cái tổng thể của bức thư, phải đối lập một cách chính xác với tất cả những cái biểu đạt, trong quan điểm của Derrida, là chủ thể với tên gọi “sự phổ biến”, sự tan rã và sự tái tạo hình dạng không ngừng của ý nghĩa.

Barbara Johnson quay trở lại thay thế Derrida từ vị trí thứ 3 (Johnson 1979). Bà tranh luận, Derrida đã lặp lại lỗi của Lacan, vì ông quá lí tưởng cái biểu đạt trong “sự phổ biến” đặc quyền. Ở chỗ Derrida phê phán Lacan về việc là “nhà khách quan”, trong việc tạo ra những từ quá xác định, Johnson lại Derrida là “nhà chủ quan”, trong việc để từ ngữ trở nên quá mơ hồ. Bài báo của bà được đặt tên là “The frame of reference” (Cái khung của sự quy chiếu), bà biết rằng mọi sự phát biểu là nỗ lực dựng khung thế giới, bao gồm cả những người dựng khung nó. Johnson đẩy những luận cứ qua một chuỗi những nghịch lý liên quan đến sự bất khả của siêu – ngôn ngữ. Từ khi không có sự xác định cuối cùng nào về bản thân bởi cái biểu đạt là có thể, ở đây thật chính xác rằng chủ thể bị rời bỏ có thể bị tổn thương với sự lật đổ của một cái khác. Nếu không có một sự xác định trong định nghĩa tự thân về chủ thể, kết quả sẽ là một sự ân hận không dứt: nếu chủ thể xác định chính bản thân anh ta một cách hoàn thiện, anh ta sẽ phải bao gồm sự xác định của anh ta về chính mình một cách hoàn thiện, và điều này sẽ phải bao gồm sự xác định của anh ta về bản thân bao gồm sự xác định của anh ta về bản thân một cách hoàn thiện, một sự vô hạn ( ad infinitum)

Chuỗi phán quyết này tăng lên vấn đề: cái gì trong thực tế phân biệt Lacan với Derrida khi đánh giá những mối liên quan của các lý thuyết ngôn ngữ của họ với các văn bản văn chương. Cả Lacan và Derrida đều tra vấn chủ nghĩa cấu trúc từ bên trong, dù cả hai đều là những nhà cấu trúc trong việc chấp nhận bản chất phụ của ngôn ngữ. Cả hai đều nghi ngờ dựa trên việc bảo vệ sự thống nhất giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt mà Saussure đã thiết lập trong lý thuyết của ông. Lacan thấy cách sử dụng cái biểu đạt luôn luôn dẫn đường cho một nhận thức về sự thiếu hụt: chủ thể trở nên hiểu tình trạng xa lạ của anh ta với những gì đã được tái hiện từ nguồn gốc. Derrida thấy cái biểu đạt sai lầm khi nỗ lực đạt tới sự thống nhất với cái được biểu đạt, bởi vì sự giảm giá liên tục của ý nghĩa, sở hữu với “cái khác biệt” (différance). Lacan và Derrida cùng giống nhau ở việc quy cho một “sự biến đổi triệt để” với vô thức, cái mang về trong ngôn ngữ một “luận cứ không ngừng nghỉ, cái không ngớt bị hướng dẫn trở lại trên chính bản thân” (Derrida 1973: 152). Cả hai đều xác quyết sự “biến đổi” tiếp cận với tất cả các diễn ngôn, nhưng một người trong cách thức riêng thấy văn bản văn chương mở rộng hơn với tính nước đôi hơn các hình thức khác của diễn ngôn; một người lại làm cho diễn ngôn của chính anh ta chỉ ra nhận thức về tính nước đôi của chính nó qua sự sử dụng thỏa thuê các hình thức khác nhau của chơi chữ. Tuy nhiên, có một sự khác biệt, trong từng loại giải cấu trúc. Lacn trình bày trên một văn bản văn chương, như việc đọc Poe chỉ ra; không như Derrida, ông ta không ở bên ngoài sự xác định văn bản đã xác lập và làm xói mòn chính nó một cách tương đồng như thế nào, như một hình thức ngôn trung luận của diễn ngôn. Trong sự chống lại khung khổ văn chương của văn bản, ông không đếm xỉa đến sức mạnh thuyết phục của tính tu từ về sự chú ý của tác giả, điều mà ông không quan tâm. Mối quan tâm của ông nhấn mạnh ở hiệu ứng ngôn ngữ không được tính đến bởi các quan niệm truyền thống về sự mơ hồ: sự lặp lại bắt buộc về cấu trúc của ham muốn vô thức, trong nỗ lực không ngừng để khiến cho cái biểu đạt có được ý nghĩa đã mất. Bởi vậy, có thể xác định rằng, nếu như sự nhấn mạnh của Derrida là về tác giả, văn bản và ngôn ngữ, thì sự nhấn mạnh của Lacan là về người đọc, văn bản và ngôn ngữ.

Có thể thấy rằng phê bình phân tâm học có tính cấu trúc đã đi xa hơn sự diễn giải về một văn bản cụ thể. Nó mở lối vào một diễn ngôn rộng hơn, với những mối liên quan có tính triết học mà người sáng lập ra phân tâm học đã không thể hình dung. Những nhà xét lại và những người theo sau nhiều thành phần bận rộn gắn kết sự lấy cắp bức thư của ông ta với sự nhận thức mang tính phân tâm học kì lạ mà ông gọi là “Nachträglichkeit”. Và cách đối xử của Lacan với câu chuyện của Poe cũng là một ví dụ của điều này. Với việc đọc phân tâm học mới của ông, ông đã tạo ra sự đóng góp với việc hiểu các văn bản văn chương. Vì phân tích của ông là về diễn giải, không có nghĩa rằng nó không phải là sự diễn giải. Một điều có thể tranh luận rằng Poe có vài lý do để cảm thấy hàm ơn Lacan, vì ông đã chỉ ra rằng câu chuyện của Poe có một tính phổ biến mà chính Poe có thể không nhận ra. Một điều mà Poe mơ cũng không thấy, nói một cách văn vẻ, rằng câu chuyện của ông ta một ngày sẽ trở thành một cảnh quan trọng cho tranh luận siêu – phê bình (meta -critical debate). Có thể, nếu bây giờ được lựa chọn, ông sẽ chọn tư cách này thay vì làm một nhà thơ điển phạm thông thường.

Nhã Thuyên dịch từ: Modern Literary Theory: A Comparative Introduction, Ann Jefferson và David Robey biên soạn, Batsford Academic and Education Ltd, London, 1982, trang 119-133.

Nguồn: Tạp chí Văn học nước ngoài, số 4/2009

http://phebinhvanhoc.com.vn/lacan-va-phan-tam-hoc-cau-truc/